

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-PT

Ngày 06-9-2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung, nợ riêng, tranh chấp ranh đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hùng

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 và 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung, nợ riêng, tranh chấp ranh đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2024/QĐPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1980 (có mặt); Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Ngọc T - Văn Phòng L1 thuộc đoàn luật sư tỉnh V (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Hồ Văn T1, sinh năm 1975 (có mặt); Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Hoàng T2 - Văn Phòng Luật sư Trần Bá T3 thuộc đoàn luật sư tỉnh V (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lê Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt); Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Tạ Thị D, sinh năm 1972 (có mặt); Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Hồ Văn T4, sinh năm 1977 (vắng mặt);

4. Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T4 và chị H1: Anh Trần Chính T5, sinh năm 1977 (có mặt). Địa chỉ: Số A, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 12/8/2024 do Văn phòng công chứng Lê Văn C công chứng số 382, quyền số 01/2024-SCT/CK,ĐC).

5. Chị Phạm Ngọc Nha T6, sinh năm 1971 (có mặt); Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

6. Ngân hàng Thương mại cổ phần B2.

Trụ sở chính: số 109, T, Phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh T7 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (có mặt); ông Trần Quốc N1- Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt). Địa chỉ liên hệ: Số B N, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định ủy quyền số 126/2024/QĐ-VL ngày 16/8/2024).

7. Bà Võ Thị K, sinh năm 1948 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long;

8. Anh Lê Văn S1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

9. Chị Phạm Thị Hồng Cẩm V, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện ủy quyền của anh S1: Bà Đặng Thị Bạch L, sinh năm 1960 (vắng mặt). Địa chỉ cư trú: số E P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày do Văn phòng công chứng Lê Văn C công chứng số 0179, quyền số 01/2020-SCT/CK,ĐC ngày 16/6/2020).

10. Anh Nguyễn Hoàng Thanh M, sinh năm 1980 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

11. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1981 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: số B ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

12. Anh Lương Hồng K1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

13. Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

14. Bà Trang Thị Kim M2, sinh năm 1958 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân T11 (vắng mặt).

Trụ sở T11: Số D, đường B tháng I, Phường A, thành Phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cư trú của bà M2: Số B, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

15. Công ty T12.

Trụ sở: Số D, ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lan H2, sinh năm 1972, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: Số D, ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

16. Anh Trương Văn B, sinh năm 1970 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

17. Chị Trương Kim C1, sinh năm 1977 (có mặt).

18. Anh Nguyễn Chí T8, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị C1: Luật sư Trương Ngọc S2 - Văn Phòng L2 thuộc đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

19. Anh Hồ Minh Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

20. Anh Lê Phước V1, sinh năm 1993 (có mặt); Địa chỉ cư trú: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

21. Anh Đỗ Duy Hải Đ1, sinh năm 1980 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Anh Hồ Văn T1 là bị đơn; Anh Hồ Văn T4, chị Phạm Thị H1, chị Trương Kim C1 và Ngân hàng thương mại cổ phần B2 là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N1 và anh T1 quen biết tìm hiểu nhau đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1995 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 15/10/2008. Sau ngày cưới anh chị sống chung với gia đình cha mẹ ruột chị N1 tại ấp G, xã T, huyện V đến tháng 04/2014 thì anh chị ra sống riêng. Chị và anh T1 sống hạnh phúc đến tháng 04/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau, anh T1 có người phụ nữ bên ngoài, anh T1 thường xuyên dùng vũ lực với chị N1. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 04/2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị N1 yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung tên Hồ Lê Bảo A, sinh ngày 20/02/2007. Hiện tại cháu A đang sống với chị N1. Sau khi ly hôn chị N1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Trước đây, chị N1 có yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 2.000.000đ, nay chị N1 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu A.

Về tài sản chung: Tài sản chung của anh chị gồm có:

- 01 xà lan mua của anh Nguyễn Hoàng Thanh M. Hiện tại chị N1 đang quản lý sử dụng, giá trị hiện tại 384.000.000đ. Trước đây chị N1, anh T1 nhờ anh T4, chị H1 đứng tên trên Hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018 với giá 1.380.000.000đ, chữ ký và chữ viết họ tên Phạm Thị H1 trên hợp đồng là do chị N1 ký và viết, chữ ký và chữ viết họ tên Hồ Văn T4 trên hợp đồng là do anh T1 viết. Sau khi ký hợp đồng mua xà lan thì chị N1 và anh T1 nhờ anh T4, chị H1 đứng tên vay tiền của Ngân hàng TMCP B2 để trả tiền mua bán (thế chấp thửa đất 71), sau khi vay tiền thì chuyển vào tài khoản của anh M, số tiền chuyển là 1.700.000.000đ. Sau đó anh M đã đưa lại cho chị N1, anh T1 số tiền 400.000.000đ, như vậy số tiền mua xà lan còn nợ lại anh M là 80.000.000đ hẹn khi nào làm thủ tục sang tên xong thì sẽ trả nhưng do sau đó có vụ việc tranh chấp xảy ra nên không làm thủ tục được. Hiện tại chị N1 đã trả 80.000.000đ còn lại cho anh M và đang giữ bản chính các giấy tờ của xà lan. Nay chị N1 yêu cầu vô hiệu Hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018 được ký kết giữa Nguyễn Hoàng Thanh M với Hồ Văn T4 (do anh T1 ký thay) và Phạm Thị H1 (do chị N1 ký thay) và công nhận xà lan biển số V71L 08359, có trọng tải 240 tấn là tài sản của chị N1 và anh T1 để chị N1 và anh T1 chia tài sản khi ly hôn.

- 01 Máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5 số khung 16417488 số động cơ EL-100-14425. Hiện tại đang để tại V xây dựng V giá trị còn lại là 56.000.000đ. Nguồn gốc máy đào này là của chị N1, anh T1 mua của anh Đỗ Duy Hải Đ1 với

giá là 280.000.000đ, khi mua có lập hợp đồng mua bán là ngày 18/4/2017. Chị N1 là người trực tiếp mua máy đào và trả tiền cho anh Hải Đ1 tại Cần Thơ.

- Nhà và đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20, diện tích 984m², đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (gọi tắt là thửa đất số 71).

- 01 cần trục bánh xích Hitachi U106 AL mua của anh H với giá 430.000.000đ. Hiện tại tài sản này chị N1 đã bán, số tiền bán là 260.000.000đ, chị N1 có chuyển cho anh T1 số tiền là 140.000.000đ, nhưng nay anh T1 nói chị N1 chuyển số tiền 130.000.000đ thì chị N1 cũng thống nhất.

- Tài sản có giá trị bên trong căn nhà xây dựng trên thửa đất 71 gồm: 03 giường ngủ loại gỗ căm xe, 03 cái tủ áo gỗ căm xe, 02 bàn trang điểm gỗ căm xe, 01 bộ bàn salon bằng gỗ căm xe, 01 tủ ti vi gỗ căm xe, 01 Bàn ăn gỗ căm xe, 01 Tủ rượu gỗ căm xe, 01 Tủ bếp gỗ căm xe, 01 bộ li quăng gỗ căm xe, 01 bàn ghế phòng khách gỗ căm xe, 01 tủ ly gỗ căm. Tổng giá trị tài sản trên là 138.400.000đ. Tổng giá trị tài sản chung của chị N1, anh T1 là 3.062.433.000đ

Chị N1 yêu cầu chia đôi $\frac{1}{2}$ số tài sản chung mỗi người là 1.531.216.500đ, chị N1 yêu cầu nhận nhà, vật kiến trúc trên đất, tài sản trong nhà (gồm 11 tài sản vừa nêu) và thửa đất số 71, 01 máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5 số khung 16417488 số động cơ EL-100-14425 và 01 xà lan biển số V71L 08359, có trọng tải 240 tấn. Chị N1 đồng ý hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh T1 là 1.531.216.500đ.

Về nợ chung:

- Về nợ chung phải thu: Trước đây chị N1 có yêu cầu chia đôi tiền bán xe biển số 64C-054.28 và xe 64C-056.99 là 94.700.000đ (số tiền này anh T4 và chị H1 giữ), anh T4 và chị H1 phải trả lại cho chị N1 số tiền là 47.350.000đ nhưng nay chị N1 rút lại yêu cầu này.

- Về nợ chung phải trả: Nợ anh Lê Văn H số tiền 202.076.000đ tiền mua vật tư và 430.000.000đ mua cần trục bánh xích Hitachi U106 AL; Nợ DNTN TM Phước Vinh 139.000.000đ; Nợ Công ty TNHH MTV T12 số tiền là 59.018.000đ; Nợ Ngân hàng TMCP B2 số tiền vay 1.578.000.000đ và tiền lãi; Nợ anh Lê Văn S1 số tiền 1.000.000.000 đồng; Nợ chị Tạ Thị D số tiền vay vốn là 150.000.000đ; Nợ chị Nha T6 số tiền là 33.500.000đ. Tất cả các khoản nợ chị N1 yêu cầu chia đôi, chị N1 và anh T1 mỗi người trả $\frac{1}{2}$ cho các chủ nợ.

Trước đây chị N1 có trình bày chị và anh T1 nợ chị Lê Thị Ngọc T9 số tiền là 400.000.000đ, hiện tại chị N1 không biết địa chỉ của chị T9 nên chị N1 xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N1 có trình bày còn nợ anh Trương Văn B số tiền 70.000.000đ nhưng anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên chị N1 cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T4 và chị H1 thì chị N1 có ý kiến như sau: Thửa đất số 71 là của chị N1 và anh T1. Trước đây, chị N1 và anh T1 có thể chấp nhà và đất tại thửa đất này để vay tiền tại Ngân hàng B3 - Chi nhánh V3, nhưng do không có khả năng trả nợ nên vào năm 2016 chị N1, anh T1 có mượn của anh S1 (em ruột chị N1) số tiền 1.000.000.000đ để trả nợ Ngân hàng, bà K (mẹ ruột chị N1, anh S1) là người trực tiếp lấy tiền của anh S1 chuyển trả cho Ngân hàng B3. Sau khi trả nợ thì anh S1 có yêu cầu để anh S1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì sợ chị N1, anh T1 bán đất; chị N1, anh T1 đồng ý để anh S1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, chị N1 và anh T1 đã ủy quyền cho Ngân hàng B3 - Chi nhánh V3 ký tên Hợp đồng chuyển nhượng với anh S1 và anh S1 được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2018 chị N1, anh T1 định vay tiền Ngân hàng lại thì do chị N1 và anh T1 nợ xấu không thể vay tiền, anh S1 thì ở xa không thể làm thủ tục thế chấp thửa đất số 71 để vay tiền giúp cho chị N1 và anh T1 được nên nhờ anh T4 đứng tên đất giúp để thế chấp vay tiền. Toàn bộ thủ tục chuyển tên đất từ tên của anh S1 qua anh T4 là do chị N1 làm. Chữ ký của anh T4 và chữ viết họ tên Hồ Văn T4 trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2018 là do chị N1 ký và viết họ tên Hồ Văn T4. Sau đó, chị N1 và anh T1 đã đi làm hồ sơ vay tiền tại Ngân hàng TMCP B2 vay số tiền 1.700.000.000đ. Trong hồ sơ vay tiền thì chữ ký, chữ viết trên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018, Hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 85220180287/01 ngày 22/11/2018 của Ngân hàng TMCP B2 là do chị N1 ký và viết tên Phạm Thị H1, anh T1 ký và viết tên Hồ Văn T4.

Chị N1 yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2018 ký kết giữa anh S1 và anh T4, công nhận phần đất thửa 71 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị N1 và anh T1. Đồng thời, yêu cầu anh T4, chị H1 phải trả lại phần đất thửa đất số 71 cho chị N1 và anh T1 để chia tài sản chung vì đây là tài sản của chị N1 và anh T1.

Anh T4, chị H1 yêu cầu trả 01 Cẩn trục bánh xích hiệu Hitachi U106 AL số chế tạo 112-4249 chị N1 không đồng ý vì đây là tài sản mà chị N1 và anh T1 mua của anh H nhưng chưa trả tiền. Hiện tại tài sản này chị N1 đã bán được số tiền 270.000.000đ, chị N1 đã chuyển cho anh T1 số tiền là 140.000.000đ, nhưng nay anh T1 thừa nhận chỉ nhận số tiền là 130.000.000đ thì chị N1 cũng thống nhất. Do

chị N1 và anh T1 đã chia tiền bán Cần trục để sử dụng nên chị N1 đồng ý theo yêu cầu của anh H là chị N1 và anh T1 sẽ trả lại cho anh H số tiền là 430.000.000đ, phần chị N1 và anh T1 mỗi người phải trả là 215.000.000đ.

Anh T4, chị H1 yêu cầu trả 01 Máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5 số khung 16417488 số động cơ EL-100-14425 thì chị N1 không đồng ý vì đây là tài sản của chị N1, anh T1.

Anh T4, chị H1 yêu cầu trả 01 xà lan mua của anh M, chị N1 không đồng ý vì xà lan này là của chị N1 và anh T1.

Ngoài ra, anh T4 cho rằng chị N1 có thuê cửa hàng Vật liệu xây dựng V của anh là không đúng, chị N1 và anh T1 chỉ nhờ anh T4 đứng tên giùm để làm ăn, mọi hoạt động kinh doanh của Vật liệu xây dựng Vân S3 đều do anh T1 và chị N1 điều hành, anh T4 và chị H1 không có tham gia. Hợp đồng thuê đất đối với Ủy ban nhân dân xã T là do chị N1 ký.

Đối với tiền bán Cần trục bánh xích Hitachi U106 AL anh T1 cho rằng chị N1 đã chuyển cho anh T1 số tiền là 130.000.000đ thì chị N1 cũng thống nhất và cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập lấy lời khai chị N2 là người đứng tên tài khoản nhận tiền giùm anh T1.

Đối với yêu cầu của chị C1 về việc yêu cầu trả lại phần đất theo đo đạc là 53,5m² thì chị N1 không đồng ý vì khi anh T1, chị N1 xây dựng hàng rào tại thửa đất 71 cận ranh đất chị C1 thì xây dựng đúng ranh đất và chị C1 cũng không có tranh chấp.

Đối với việc công chứng, chứng thực các hợp đồng gồm: Hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018 giữa Nguyễn Hoàng Thanh M với Hồ Văn T4 và Phạm Thị H1, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa Lê Văn S1 và Hồ Văn T4 ngày 28/8/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018 giữa Hồ Văn T4 và Phạm Thị H1 với Ngân hàng TMCP B2 chị N1 không có ý kiến gì. Đối với 8 biên nhận anh T4 cung cấp thì chị N1 hoàn toàn không biết việc giao nhận tiền này.

Bị đơn anh Hồ Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị N1 quen biết, tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1995 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 15 tháng 10 năm 2008. Sau khi cưới anh, chị sống chung với gia đình cha mẹ ruột chị N1 tại ấp G, xã T được vài tháng thì anh chị ra sống tự lập riêng. Anh T1, chị N1 chung sống hạnh phúc đến tháng 06 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị N1 có người khác bên ngoài.

Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2019 cho đến nay. Nay chị N1 yêu cầu ly hôn anh T1 đồng ý.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Hồ Lê Bảo A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2007. Hiện tại cháu A đang sống với chị N1. Cháu A có nguyện vọng muốn sống chung với chị N1. Sau khi ly hôn anh T1 thống nhất theo nguyện vọng của cháu A là để cháu A cho chị N1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi cháu A.

Về tài sản chung: Theo lời trình bày của chị N1 thì anh T1 không thống nhất mà có ý kiến như sau:

- 01 xà lan mua của anh Nguyễn Hoàng Thanh M là tài sản của anh T4. Trước đây, anh Hồ Văn T4 đưa tiền cho anh và chị N1 nhận để đi mua xà lan. Anh T4 đưa tiền 03 hoặc 04 lần (không nhớ rõ mỗi lần ai nhận tiền và nhận mỗi lần bao nhiêu tiền), tổng số tiền là 1.380.000.000đ. Anh T1 nghe chị N1 nói là chị N1 gửi toàn bộ số tiền này tại Ngân hàng TMCP B2. Anh T1 và chị N1 là người trực tiếp gặp anh M để giao dịch về việc mua bán xà lan. Chữ ký trên hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018 là anh T1 ký và viết họ tên của anh Hồ Văn T4 và chị N1 ký và viết họ tên của chị Phạm Thị H1. Hiện tại xà lan đang do chị N1 quản lý.

- 01 Máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5 số khung 16417488 số động cơ EL-100-14425. Đây không phải là tài sản chung của anh T1, chị N1 mà là của anh Hồ Văn T4 đưa tiền mua, anh T4 đưa tiền cho anh T1 để đi mua, trước khi mua thì anh T1 có chụp hình gửi cho anh T4 xem anh T4 đồng ý mới đưa tiền cho anh T1, chị N1 đi mua. Anh T1 và chị N1 là người trực tiếp đi mua tại Cần Thơ, chị N1 là người giao dịch và trả tiền.

- Nhà và đất tại thửa đất số 71 là tài sản của anh T4, chị H1. Tại thửa đất và căn nhà này thì trước đây anh T1, chị N1 có thể chấp vay tiền của Ngân hàng B3 - Chi nhánh V3, vay vào khoảng năm 2008 (không nhớ chính xác thời gian vay), vay số tiền là 1.000.0000.000đ. Đến hạn trả tiền vào năm 2018 thì chị N1 và anh T1 không có tiền trả nên đã ủy quyền cho Ngân hàng B3 - Chi nhánh V3 ký tên chuyển nhượng nhà và đất tại thửa đất số 71 cho anh S1 và anh S1 là người đã trả tiền cho Ngân hàng B3. Sau đó, vào năm 2018 thì anh S1 chuyển nhượng thửa đất này lại cho anh T4, chị H1.

- Đối với tài sản trong nhà do chị N1 trình bày thì tất cả các tài sản này vẫn đang để tại căn nhà cấp 3 tại thửa đất số 71. Toàn bộ tài sản này đã bán cho anh T4, chị H1 kèm theo khi mua nhà và đất (bán chung với giá là 1.000.000.000đ). Riêng đối với 01 bộ li quăng gỗ cắm xe và 01 Tủ rượu gỗ cắm xe là mua vào khoảng năm 2020 là tài sản của riêng anh T1. Nếu chị N1 có nhu cầu sử dụng thì anh T1 đồng ý cho chị N1 02 tài sản này, không cần phải chia tài sản chung.

Về nợ chung:

Về nợ chung phải thu: Đối với số tiền là 94.700.000đ chị N1 đã rút yêu cầu này, anh T1 cũng thống nhất việc rút yêu cầu của chị N1 và không có ý kiến gì khác.

Về nợ chung phải trả:

- Chị N1 trình bày nợ anh Lê Văn H số tiền 202.076.000đ là không đúng, anh T1 không biết số tiền này nên anh T1 không đồng ý trả. Cần trục này của anh T4 và chị H1 đã mua và trả tiền đủ. Hiện tại tài sản này chị N1 đã bán, số tiền bán bao nhiêu thì anh T1 không biết, chị N1 có chuyển cho anh T1 số tiền là 130.000.000đ, anh T1 đã nhận lại đủ số tiền này và đem đưa cho anh T4. Nay đối với yêu cầu độc lập của anh H yêu cầu anh T1 cùng với chị N1 trả lại số tiền mua cần trục 430.000.000đ anh T1 không đồng ý.

- Chị N1 trình bày nợ chị Lê Thị Ngọc T9 400.000.000đ anh T1 không biết. Nay chị N1 không yêu cầu gì đối với số tiền nợ của chị T9 thì anh T1 không có ý kiến gì.

- Chị N1 trình bày nợ T11 số tiền 139.000.000đ, anh T1 không biết số tiền này nên không đồng ý trả.

- Chị N1 khai nợ bà Võ Thị K số tiền 900.000.000đ mượn mua xe cuốc và đóng bãi xây dựng, anh T1 không biết số tiền này nên không đồng ý trả.

- Chị N1 trình bày nợ tiền mua bán xi măng Công ty TNHH MTV T12 số tiền nợ là 59.018.000đ thì anh T1 thống nhất có khoản nợ này. Nay anh T1 đồng ý anh và chị N1 mỗi người trả ½ số nợ này cho Công ty TNHH MTV T12.

- Chị N1 trình bày nợ anh Trương Văn B số tiền 70.000.000đ, anh T1 không biết. Nay chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ này, anh T1 cũng thống nhất và không có ý kiến gì khác.

- Chị N1 trình bày nợ anh Lê Văn S1 số tiền 1.000.000.000đ là tiền trả nợ vay cho Ngân hàng B3 là không đúng nên anh T1 không đồng ý trả.

- Đối với khoản nợ Ngân hàng TMCP B2, anh T1 chỉ thừa nhận có nợ số tiền gốc là 1.300.000.000đ. Vào năm 2017 đến năm 2018 (anh T1 không nhớ thời gian cụ thể) chị N1 có kêu anh T1 lên Ngân hàng TMCP B2 để ký tên chuyên tiền qua cho anh M để mua xà L. Anh T1 thừa nhận chữ ký, chữ viết trên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018, Hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018 và Giấy đề nghị giải Ngân kiêm khế ước nhận nợ số 85220180287/01 ngày 22/11/2018 của Ngân hàng cung cấp thì chữ ký và chữ viết tên của Hồ Văn T4 là do anh T1 ký và viết, chữ ký và chữ viết tên của

Phạm Thị H1 thì anh T1 không xác định có phải chị N1 ký và viết hay không. Hồ sơ vay tiền do chị N1 đi làm. Ngân hàng cung cấp bộ hồ sơ vay số tiền vốn là 1.700.000.000đ thì anh T1 chỉ thừa nhận khoản nợ gốc là 1.300.000.000đ (bằng với số tiền mua Sà Lan của anh M). Nay do anh T1 có ký tên trên các hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ với Ngân hàng nên anh T1 đồng ý trả lại cho Ngân hàng $\frac{1}{2}$ vốn gốc là 650.000.000đ cùng với toàn bộ tiền lãi trên số nợ gốc này.

- Đối với yêu cầu của anh S1 và chị N1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2018 giữa anh S1 và anh T4, anh T1 không đồng ý vì phần đất thửa 71 là của anh T4, chị H1.

- Đối với yêu cầu của chị N1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018 giữa anh M và anh T4, chị H1, anh T1 không đồng ý vì chiếc xà lan là tài sản của anh T4, chị H1.

- Đối với yêu cầu tranh chấp ranh đất của chị C1 thì anh T1 không đồng ý vì phần đất thửa 71 là của anh T4 nên anh T4 quyết định. Trước đây, anh T1 và chị N1 xây dựng hàng rào cạp ranh đất của chị C1 đã xây dựng đúng ranh đất và chị C1 không có tranh chấp.

- Đối với yêu cầu của anh T4 và chị H1 về việc vô hiệu hợp đồng thế chấp số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018 giữa Hồ Văn T4, Phạm Thị H1 với Ngân hàng TMCP B2 có tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 71 và vô hiệu hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018 giữa Hồ Văn T4, Phạm Thị H1 với Ngân hàng TMCP B2 thì anh T1 không có ý kiến, số tiền anh T1 thừa nhận còn nợ Ngân hàng thì anh T1 vẫn sẽ đồng ý tiếp tục trả.

- Đối với việc công chứng, chứng thực các hợp đồng gồm: Hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018 giữa anh M với anh T4, chị H1, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh S1 và anh T4 ngày 28/8/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018 giữa anh T4 và chị Thị H1 với Ngân hàng thì anh T1 không có ý kiến gì.

- Đối với 8 biên nhận anh T4 cung cấp là các lần anh T1 nhận tiền của anh T4, khi nhận thì có anh T1, anh T4 và có lần có chị N1, có lần không có nhưng anh T1 không nhớ lần nào có chị N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn T4 trình bày: Năm 2018 anh T4 nhận chuyển nhượng nhà và đất của anh S1 tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 02, diện tích 984m², đất ở và trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, anh T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/9/2018, giá nhận chuyển nhượng nhà và đất là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Anh T4 nhờ anh T1 và chị N1 làm giấy tờ đất. Khi trả tiền chuyển nhượng đất thì anh T4, chị H1 trực tiếp trả tiền mặt cho anh S1 tại căn nhà trên thửa đất 71, anh S1 đã nhận đủ tiền, khi giao tiền có anh T4, chị H1, anh S1, chị N1 và anh T1, việc giao tiền thì không có làm biên nhận hay văn bản gì, giao đủ số tiền 1.000.000.000đ cho anh S1 xong mới làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng thì do anh T1, chị N1 không có chỗ ở nên anh T4, chị H1 vẫn để anh T1, chị N1 ở trên đất nên đến nay vẫn chưa nhận nhà và đất.

Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 71 thì anh T1 và chị N1 tự ý lấy thế chấp tại Ngân hàng TMCP B2 – Chi nhánh V3 - Phòng giao dịch huyện V để vay số tiền 1.700.000.000đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng). Hợp đồng vay tiền với Ngân hàng do anh T1 và chị N1 tự ý ký thay anh T4 và chị H1. Đến năm 2019, Ngân hàng vào yêu cầu đóng lãi anh T4 mới biết sự việc. Khi nhận chuyển nhượng nhà anh T4, chị H1 đã mua toàn bộ các tài sản trong nhà bao gồm: 03 giường ngủ loại gỗ căm xe, 02 bàn trang điểm gỗ căm xe, 01 bộ bàn salon bằng gỗ căm xe, 01 tủ ti vi gỗ căm xe, 01 bàn ăn gỗ căm xe, 01 Tủ bếp gỗ căm xe, 01 bàn để phòng khách gỗ căm xe, 01 tủ ly gỗ căm xe, giá trị các tài sản trong nhà cùng giá nhà và đất tổng tất cả là 1.000.000.000đ.

Ngoài ra anh T1 và chị N1 còn giữ tài sản của anh T4 bao gồm:

- 01 Cần trục bánh xích Hitachi nhật hiệu Hitachi U106 AL số chế tạo 112-424. Anh T4 mua cần trục này của ông H vào năm 2017 giá 430.000.000đ, anh T4 giao tiền trực tiếp cho ông H nhận, không có làm biên nhận hoặc văn bản gì. Hiện tại chị N1 đã tự ý bán cần trục này.

- 01 Máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5 hiện nay đang nằm tại bãi vật liệu xây dựng V tại xã T. Anh T4 mua máy đào này ở thành phố Cần Thơ, giá bao nhiêu không nhớ. Anh T4 giao tiền cho chị N1 và anh T1 trực tiếp đi mua. Anh T4 chỉ biết mua ở Thành phố Cần Thơ, còn việc mua của ai thì anh T4 không biết.

- 01 xà lan mua của anh M, tại ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng số 416 ngày 21/11/2018 với giá là 1.380.000.000đ (một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng), đã giao số tiền là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) còn lại 80.000.000đ khi nào hoàn tất thủ tục thì sẽ giao đủ. Khi giao kết hợp đồng thì do anh T4 và chị H1 trực tiếp đứng ra ký tên và ghi họ tên trên hợp đồng, giao tiền và nhận xà lan, khi giao tiền thì anh T4, chị H1 giao trực tiếp cho anh M nhận, việc giao nhận tiền không có làm biên nhận hoặc văn bản gì. Chiếc xà lan hiện tại chị N1 quản lý. Hiện tại xà lan chưa làm giấy tờ chuyển tên sở hữu.

Việc anh T4 cho chị N1 và anh T1 thuê lại Vật liệu xây dựng V thì không có lập văn bản, giá cho thuê là 80.000.000đ/tháng. Đối với hợp đồng thuê này thì anh

T4 không có tranh chấp, anh T4, chị H1 và anh T1, chị Ngọc t thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Nay anh Tình yêu c Tòa án giải quyết như sau:

- Vô hiệu hợp đồng thế chấp số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018 giữa Hồ Văn T4, Phạm Thị H1 với Ngân hàng Thương mại cổ phần B2; Buộc Ngân hàng TMCP B2 phải trả lại cho anh T4 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 71 nêu trên.

- Vô hiệu hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018 giữa Hồ Văn T4, Phạm Thị H1 với Ngân hàng TMCP B2. Đối với số tiền vay của chị N1 và anh T1 tại Ngân hàng, chị N1 và anh T1 tự giải quyết với Ngân hàng.

- Đối với Cần trục bánh xích Hitachi nhật hiệu Hitachi U106 AL do chị N1 đã tự ý bán nên anh Tình yêu c chị N1, anh T1 phải trả lại giá trị lúc mua ban đầu là 430.000.000đ. Anh T1 có trả cho anh T4 số tiền 130.000.000đ. Nay anh Tình yêu c chị N1 phải trả số tiền còn lại là 300.000.000đ.

- Yêu cầu anh T1 và chị N1 phải trả lại cho anh T4 01 Máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5 số khung 16417488 số động cơ EL-100-14425.

- Yêu cầu anh T1 và chị N1 trả lại cho anh T4 01 xà lan mua của anh Nguyễn Hoàng Thanh M.

- Anh Tình yêu cầu chị N1 phải giao các tài sản trong nhà gồm: 03 giường ngủ loại gỗ căm xe, 02 bàn trang điểm gỗ căm xe, 01 bộ bàn salon bằng gỗ căm xe, 01 tủ ti vi gỗ căm xe, 01 Bàn ăn gỗ căm xe, 01 Tủ bếp gỗ căm xe, 01 bàn để phòng khách gỗ căm xe, 01 tủ ly gỗ căm xe. Việc mua các tài sản trong nhà thì không có lập hợp đồng riêng mà chung với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà.

- Đối với số tiền chị N1 cho rằng anh T4, chị H1 còn giữ của chị N1, anh T1 là 94.700.000đ chị N1 đã rút yêu cầu, anh T4 thống nhất.

- Đối với yêu cầu của anh S1 và chị N1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2018 giữa anh S1 và anh T4 anh T4 không đồng ý vì phần đất thửa 71 là của anh T4 nhận chuyển nhượng của anh S1, giá chuyển nhượng là 1.000.000.000đ. Anh T4 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nhà và đất là của anh T4.

- Đối với yêu cầu của chị N1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán xà lan ngày 21/11/2018 giữa anh M và anh T4, chị H1 thì anh T4 không đồng ý vì chiếc xà lan này là của anh T4, chị H1 mua của anh M.

- Đối với yêu cầu của chị C1 về việc yêu cầu trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 53,5m² thì anh T4 không đồng ý vì anh T4 không có lấn đất của chị C1.

Đối với yêu cầu của T11 thì anh T4 không đồng ý vì anh T4 không có mua bán vật liệu xây dựng với T11.

Đối với yêu cầu của Công ty TNHH MTV T12 thì anh T4 không đồng ý vì anh T4 không có mua bán vật liệu xây dựng với Công ty TNHH MTV T12 mà chị N1, anh T1 là người mua bán với Công ty TNHH MTV T12 thì chị N1, anh T1 có trách nhiệm trả nợ cho Công ty.

Đối với việc công chứng, chứng thực các hợp đồng gồm: Hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018 giữa anh M với anh T4 và chị H1, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa Lê Văn S1 và Hồ Văn T4 ngày 28/8/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018 giữa Hồ Văn T4 và Phạm Thị H1 với Ngân hàng TMCP B2 thì anh T4 không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H1 trình bày:

Chị H1 thống nhất theo yêu cầu của anh T4. Chị H1 yêu cầu như sau:

- Vô hiệu hợp đồng thế chấp số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018 giữa Hồ Văn T4, Phạm Thị H1 với Ngân hàng TMCP B2; Buộc Ngân hàng TMCP B2 phải trả lại cho anh T4, chị H1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 71 nêu trên.

- Vô hiệu hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018 giữa Hồ Văn T4, Phạm Thị H1 với Ngân hàng TMCP B2. Đối với số tiền vay chị N1 và anh T1 vay của Ngân hàng thì chị N1 và anh T1 tự giải quyết với Ngân hàng.

- Đối với Cần trục bánh xích Hitachi nhật hiệu Hitachi U106 AL do chị N1 đã tự ý bán nên chị N1, anh T1 phải trả lại giá trị lúc mua ban đầu là 430.000.000đ. Anh T1 có trả cho anh T4, chị H1 130.000.000đ. Nay chị H1 yêu cầu chị N1 phải trả số tiền còn lại là 300.000.000đ.

- Yêu cầu anh T1 và chị N1 phải trả lại cho chị H1 01 Máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5 số khung 16417488 số động cơ EL-100-14425.

- Yêu cầu anh T1 và chị N1 trả lại cho chị H1 01 xà lan mua của anh Nguyễn Hoàng Thanh M.

Đối với số tiền chị N1 cho rằng anh T4, chị H1 còn giữ của chị N1, anh T1 là 94.700.000đ chị N1 đã rút yêu cầu, chị H1 thống nhất.

- Đối với yêu cầu của anh S1 và chị N1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2018 giữa anh S1 và anh T4 thì chị

H1 không đồng ý vì phần đất thừa 71 là của chị H1, anh T4 nhận chuyển nhượng của anh S1, giá chuyển nhượng là 1.000.000.000đ. Tài sản nhà và đất là của anh T4 và chị H1.

- Đối với yêu cầu của chị N1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018, chị H1 không đồng ý vì chiếc xà lan này là của anh T4, chị H1 mua của anh M.

- Đối với yêu cầu của chị C1 về việc yêu cầu trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc là 53,5m² anh T4 không đồng ý vì không có lấn đất của chị C1.

- Đối với yêu cầu của T11 thì chị H1 không đồng ý vì chị H1 không có mua bán vật liệu xây dựng với T11.

- Đối với yêu cầu của Công ty TNHH MTV T12 thì chị H1 không đồng ý vì chị H1 không có mua bán vật liệu xây dựng với Công ty TNHH MTV T12 mà chị N1, anh T1 là người mua bán với công ty TNHH MTV T12 thì chị N1, anh T1 có trách nhiệm trả nợ cho Công ty.

- Đối với việc công chứng, chứng thực các hợp đồng gồm: Hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018 giữa anh M với anh T4 và chị H1, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết anh S1 và anh T4 ngày 28/8/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018 giữa anh T4 và chị H1 với Ngân hàng thì chị H1 không có ý kiến gì.

- Chị H1 yêu cầu buộc anh T1, chị N1 phải giao các tài sản trong nhà gồm: 03 giường ngủ loại gỗ căm xe, 01 bộ bàn salon bằng gỗ căm xe, 01 tủ ti vi gỗ căm xe, 01 Bàn ăn gỗ căm xe, 01 Tủ bếp gỗ căm xe, 01 bàn ghế phòng khách gỗ căm xe. Việc mua các tài sản trong nhà thì không có lập đồng riêng mà chung với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Ngọc Nha T6 trình bày: Từ ngày 18/02/2019 đến tháng 10/2019 thì anh T1 và chị N1 có nhiều lần mua dầu nợ của chị Nha T6. Tổng tiền nợ là 68.900.000đ.

Sau đó anh T1 và chị N1 có trả cho chị T6 04 lần cụ thể như sau: Ngày 10/7/2019 chị N1 trả 10.000.000đ; Ngày 20/8/2019 chị N1 trả 10.400.000đ; Ngày 22/8/2019 chị N1 trả 5.000.000đ; Ngày 09/12/2019 thì anh T1 trả 10.000.000đ. Tổng cộng trả được số tiền là 35.400.000đ còn nợ số tiền 33.500.000đ. Nay chị T6 yêu cầu chị N1, anh T1 phải trả số tiền còn nợ là 33.500.000đ. Ngoài ra, chị T6 không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị D trình bày: Ngày 29/12/2018 chị D có cho chị N1 và anh T1 vay số tiền 150.000.000đ, khi vay có

làm biên nhận do chị N1 ký tên, lãi suất là 1,2%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Sau khi vay thì chị N1 có đóng lãi cho chị D được 02 tháng. Hết hạn vay thì chị D có yêu cầu chị N1 và anh T1 trả nợ nhưng chị N1 và anh T1 hẹn nhiều lần đến nay vẫn chưa trả.

Nay chị D yêu cầu chị N1, anh T1 phải trả lại cho chị D số tiền vay vốn là 150.000.000đ. Trước đây chị D có yêu cầu chị N1, anh T1 trả lãi 18.000.000đ nhưng nay chị D rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả vốn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn S1 trình bày: Trước đây anh S1 có cho chị N1 và anh T1 mượn số tiền là 1.000.000.000đ để trả nợ Ngân hàng B3 - Chi nhánh V3 và giải chấp thửa đất 71 do chị N1 và anh T1 vay tiền của Ngân hàng thế chấp thửa đất này. Khi cho mượn tiền thì anh S1 yêu cầu chị N1 và anh T1 để anh S1 được đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất 71 vì anh S1 sợ chị N1 và anh T1 chuyển nhượng thửa đất này, chị N1 và anh T1 đồng ý. Chị N1, anh T1 ủy quyền cho Ngân hàng B3 - Chi nhánh V3 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh S1 và anh S1 đã đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 71. Thời gian sau do chị N1, anh T1 cần vay tiền Ngân hàng nhưng anh S1 ở xa không về làm thủ tục vay tiền giùm cho chị N1 và T1 được nên chị N1 và anh T1 nói chuyển thửa đất số 71 cho anh T4 đứng tên để anh T1 thế c1 Ngân hàng vay tiền giùm chị N1 và anh T1 vì vậy anh S1 ký tên trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T4 đứng tên quyền sử dụng đất thửa 71. Toàn bộ thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất tại thửa đất 71 từ anh S1 qua anh T4 do chị N1 thực hiện. Khi cho vay tiền thì anh S1 không trực tiếp đưa tiền cho chị N1 mà đưa cho bà K và bà K là người trực tiếp trả tiền cho Ngân hàng B3. Anh S1 khẳng định không có nhận số tiền 1.000.000.000đ của anh T4 và chị H1.

Nay anh S1 yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh S1 và anh T4 vào ngày 28/8/2018 tại thửa đất số 71 do chữ ký của anh T4 trên hợp đồng là do chị N1 ký, thực tế tài sản này là của chị N1 và anh T1. Đồng thời, yêu cầu chị N1 và anh T1 phải trả lại cho anh S1 số tiền đã vay là 1.000.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, anh S1 đồng ý trả lại cho chị N1 và anh T1 nhà và đất thửa đất số 71.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K trình bày: Trước đây bà K có cho vợ chồng anh T1 và chị N1 mượn số tiền là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) để làm bãi vật liệu xây dựng. Trước đây bà K có yêu cầu anh T1 và chị N1 phải trả lại cho bà số tiền là 900.000.000đ. Nay bà K thay đổi ý kiến là không yêu cầu anh T1 và chị N1 phải trả tiền lại cho bà. Đối với việc anh S1 có cho chị N1, anh T1 vay số tiền 1.000.000.000đ để trả nợ Ngân hàng Đ2 - chi nhánh V3 thì bà là người trực tiếp nhận tiền từ anh S1, sau đó nộp tiền vào Ngân hàng S5 và

chuyên trả cho Ngân hàng Đ2 - Chi nhánh V3 02 lần (lần 01 là 300.000.000đ vào ngày 05/12/2016 và lần 02 là 700.000.000đ vào ngày 08/12/2016).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H do bà Võ Thị K làm đại diện trình bày: Anh H yêu cầu anh T1 và chị N1 phải trả lại cho anh H cần cầu Hiệu Hitachi số U106 AL 25 tấn do anh H là chủ sở hữu. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì chị N1 và anh T1 tự ý bán cho người khác chiếc cần cầu nêu trên nên nay anh H yêu cầu chị N1 và anh T1 phải trả lại cho anh H số tiền khi mua cần cầu là 430.000.000đ. Anh H không có nhận bất kỳ số tiền nào từ anh T4 và chị H1. Ngoài ra, chị N1 và anh T1 còn nợ anh H số tiền mua bán Vật Liệu là 202.076.000đ, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV T12 do bà Nguyễn Thị Lan H2 làm đại diện trình bày: Trước đây Công ty TNHH MTV T12 có bán cho Cửa hàng V4 xây dựng V gồm xi măng và Sắt từ ngày 14/11/2018 đến ngày 06/11/2019 với số tiền tổng cộng là 348.427.200đ. Người trực tiếp giao dịch với Công ty T12 là anh T1 và chị N1. Sau đó, đã trả được cho Công ty số tiền là 289.409.200đ. Hiện tại còn nợ lại là 59.018.000đ.

Nay Công ty TNHH MTV T12 yêu cầu anh Hồ Văn T4 – Chủ Cửa hàng Vật Liệu xây dựng V và chị H1 (vợ anh T4), chị N1, anh T1 phải trả lại cho Công ty TNHH MTV T12 số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 59.018.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan DNTN TM Phước Vinh do anh Vũ Thanh S4 làm đại diện trình bày: Từ ngày 13/3/2008 thì T11 có mua bán vật liệu xây dựng với cửa hàng V4 xây dựng V. Đến ngày 12/7/2019 thì kết công nợ của hàng V4 còn nợ lại DNTN TM Phước Vinh số tiền là 139.000.000đ. Trong quá trình giao dịch thì chị N1 là người thường xuyên giao dịch với T11.

Nay DNTN TM Phước Vinh khởi kiện yêu cầu cửa hàng V4 do anh T4 là chủ, cùng với chị H1 (vợ anh T4), chị N1 và anh T1 phải trả lại số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 139.000.000đ.

Tại phiên tòa anh Thanh S4 đại diện cho T11 chỉ yêu cầu chị N1 phải trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Kim C1 trình bày: Chị C1 có phần đất thửa 825 diện tích 1.944m², đất ở và trồng cây lâu năm thuộc tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do chị C1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/01/2011. Đến năm 2013 thì chị C1 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất thửa 72, diện tích 1.872,4m², đất ở và trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại ấp B, xã T là một phần của thửa 825, phần còn lại của thửa 825 chưa được cấp giấy có thửa mới là thửa 73, diện tích 29,3m². Phần đất thửa 72 của chị C1 tiếp giáp với thửa đất 71 của anh T4

đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng người sử dụng thực tế là chị N1 và anh T1. Trong quá trình sử dụng đất thì chị N1 và anh T1 sử dụng lấn sang phần đất thửa 72 của chị theo đo đạc thực tế là 53,5m². Phần đất thửa 72 chị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là cấp cho cá nhân chị và hiện tại chị C1 trực tiếp sử dụng phần đất này.

Chị C1 yêu cầu anh T1, chị N1, anh T4, chị H1 phải trả lại cho chị C1 phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế có diện tích 53,5m² vì phần đất này nằm trong thửa đất số 72 của chị C1.

Ngân hàng TMCP B2 do anh Huỳnh Phước T10 làm đại diện trình bày:

Ngày 15/11/2018 thì anh T4 và chị H1 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng số HĐTD85220180287, đến ngày 22/11/2018 Ngân hàng có giải ngân cho anh T4 và chị H1 vay số tiền 1.700.000.000đ mục đích vay là mua xà lan. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 031/2018/HĐTC/PGDVung Liem ngày 15/11/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số thửa 71, tờ bản đồ số 20, diện tích 984m², đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V do anh Hồ Văn T4 đứng tên quyền sử dụng đất, trên đất có gắn 01 căn nhà cấp 3. Sau khi cho vay Ngân hàng phát hiện toàn bộ hồ sơ vay là do anh T1 và chị N1 ký tên thay cho anh T4 và chị H1. Sau khi làm việc anh T1 và chị N1 thừa nhận việc ký tên giùm anh T4 và chị H1 với Ngân hàng. Ngân hàng có đến làm việc với anh T4 và chị H1 thì anh T4 có thừa nhận việc anh T4 chỉ đứng tên giùm anh T1 và chị N1. Số tiền gốc còn nợ đối với Hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 là 1.587.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận.

Hiện tại Ngân hàng đã nộp đơn tại cơ quan điều tra công an tỉnh V yêu cầu giải quyết đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T1, chị N1, anh T4 và chị H1. Cơ quan cảnh sát điều tra thuộc Công an tỉnh V đã tiếp nhận nguồn tin theo thông báo số 13 ngày 28/4/2020. Ngân hàng sẽ cho ý kiến cụ thể đối với vụ kiện khi có kết luận của Cơ quan cảnh sát điều tra thuộc Công an tỉnh V.

Đối với các yêu cầu liên quan đến Hợp đồng thế chấp số 031/2018/HĐTC/PGDVung Liem ngày 15/11/2018 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP B2 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa anh T10 đại diện cho Ngân hàng TMCP B2 không đồng ý việc vô hiệu Hợp đồng thế chấp số 031/2018/HĐTC/PGDVung Liem ngày 15/11/2018 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018 và không đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 71 cho anh T4 và chị H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Hồng Cẩm V2 trình bày: Chị V2 thống nhất theo lời trình bày của anh S4 và không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Thanh M và chị Nguyễn Thị M1 cùng trình bày: Vào năm 2018 thì anh M có bán cho chị N1 và anh T1 01 xà lan biển số V71L 08359 với giá 1.380.000.000đ, anh M đã nhận đủ số tiền 1.380.000.000đ và giao giấy tờ cho chị N1. Nguồn gốc Sà Lan này là của anh M mua của anh K1. Anh M giao dịch mua bán với chị N1 và anh T1, anh M không biết anh T4 là ai. Trong vụ án này anh M và chị M1 không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Hồng K1, chị Trần Thị Kim P cùng trình bày: Trước đây anh K1 có bán cho anh M 01 Sà Lan biển số V71L 08359. Anh K1 và chị P đã nhận đủ tiền và giao xà lan cùng giấy tờ cho anh M nên trong vụ án này anh K1 và chị P không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn B trình bày: Trước đây anh B có mua bán gạch với chị N1 và anh T1. Chị N1 và anh T1 còn nợ lại anh B số tiền là 60.000.000đ. Đối với số tiền này anh B sẽ tự thỏa thuận giải quyết với chị N1 và anh T1, anh B không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí T8 trình bày: Phần đất thửa 72, 73 thì anh Chí T8 để chị C1 toàn quyền quyết định anh không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Minh Đ trình bày: Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018, Hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018 thì anh đã thực hiện đúng nhiệm vụ được giao nên trong vụ án này anh Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phước V1 trình bày: Vào năm 2018 anh là nhân viên của Ngân hàng TMCP B4 – Phòng giao dịch V. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018, Hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018 thì anh đã thực hiện đúng nhiệm vụ được giao nên trong vụ án này anh V1 không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Duy Hải Đ1 trình bày: Vào năm 2017 anh Đ1 có bán cho chị N1 01 máy đào bánh xích hiệu Hitachi với giá 280.000.000đ. Chị N1 đã giao đủ tiền và anh Đ1 cũng đã giao máy đào cho chị N1. Anh T4 và chị H1 là ai thì anh Đ1 không biết. Do việc mua bán đã xong nên trong vụ án này anh không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 26/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 159, Điều 161, Điều 162, Điều 163, Điều 165, Điều 228, Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 33, Điều 37, Điều 45, Điều 55, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 117, Điều 122, Điều 407, Điều 213, Điều 219, Điều 280, Điều 430, Điều 450, Điều 459, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N, chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Văn H do bà Võ Thị K làm đại diện, chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Phạm Ngọc Nha T6, chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Văn S1 do bà Đặng Thị Bạch L làm đại diện, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Doanh Nghiệp tư nhân T11 do anh Vũ Thanh S4 làm đại diện, chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty T12, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Tạ Thị D, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của anh Hồ Văn T4 do anh Hồ Vũ B1 làm đại diện, chị Phạm Thị H1 do bà Lôi Thị D1 làm đại diện.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Hồ Văn T1.

- Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Hồ Văn T1 thống nhất giao cháu Hồ Lê Bảo A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2007 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hồ Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Lê Bảo A.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung:

Chia và giao cho chị Lê Thị N các tài sản gồm: Thừa đất số 71, tờ bản đồ số 20, diện tích 993,5m² (theo các mốc a, b, c, 3, 9, 10, 11, a), đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh Hồ Văn T4 đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Căn nhà và công trình vật kiến trúc gắn liền với thửa đất số 71; Toàn bộ tài sản bên trong nhà gồm 03 giường ngủ loại gỗ căm xe, 03 cái tủ áo gỗ căm xe, 02 bàn trang điểm gỗ căm xe, 01 bộ bàn salon bằng gỗ căm xe, 01 tủ ti vi gỗ căm xe, 01 Bàn ăn gỗ căm xe, 01 Tủ rượu gỗ căm xe, 01 Tủ bếp gỗ căm xe, 01 bộ li quăng gỗ căm xe, 01 bàn để phòng khách gỗ căm xe, 01 tủ ly gỗ căm xe; 01 xà lan biển số V71L 08359 và 01 Máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5.

Vị trí, kích thước, giáp cận của phần đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V kèm theo bản án.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

Buộc chị Lê Thị N phải hoàn lại ½ giá trị tài sản chung cho anh Hồ Văn T1 là 1.539.554.000đ (Một tỷ năm trăm ba mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

- Về nợ chung phải thu, phải trả:

Buộc chị Lê Thị N và anh Hồ Văn T1 mỗi người phải trả cho anh Lê Văn S1 số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Buộc chị Lê Thị N và anh Hồ Văn T1 mỗi người phải trả cho anh Lê Văn H số tiền 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

Buộc chị Lê Thị N và anh Hồ Văn T1 mỗi người phải trả cho Doanh Nghiệp tư nhân T11 số tiền 69.500.000đ (Sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc chị Lê Thị N và anh Hồ Văn T1 mỗi người phải trả cho Công ty T12 số tiền 29.509.000đ (Hai mươi chín triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng).

Buộc chị Lê Thị N và anh Hồ Văn T1 mỗi người phải trả cho chị Phạm Ngọc Nha T6 số tiền 16.750.000đ (Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc chị Lê Thị N và anh Hồ Văn T1 mỗi người phải trả cho chị Trương Kim C1 số tiền 9.570.000đ (Chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Về nợ riêng: Buộc chị Lê Thị N phải trả cho chị Tạ Thị D số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Vô hiệu hợp đồng mua bán xà lan tự hành ngày 21/11/2018 được ký kết giữa anh Nguyễn Hoàng Thanh M với anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh Lê Văn S1 và anh Hồ Văn T4 vào ngày 28/8/2018 tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20, diện tích 984m², đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc anh Hồ Văn T1, anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 phải trả lại đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20, diện tích 993,5m² (theo các mốc a, b, c, 3, 9, 10, 11, a), đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh Hồ Văn T4 đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng toàn bộ tài sản bên trong nhà gồm 03 giường ngủ loại gỗ căm, 03 cái tủ áo gỗ căm xe, 02 bàn trang điểm gỗ căm xe, 01 bộ bàn salon bằng gỗ căm xe, 01 tủ ti vi gỗ căm xe, 01 Bàn ăn gỗ căm xe, 01 Tủ rượu gỗ căm xe, 01 Tủ bếp gỗ căm xe, 01 bộ li quăng gỗ căm xe, 01 bàn để phòng khách gỗ căm xe, 01 tủ ly gỗ căm xe cho chị Lê Thị N.

- Buộc anh Lê Văn S1 phải thực hiện các thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho chị Lê Thị N.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Lê Thị N về việc yêu cầu anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 trả lại số tiền 47.350.000đ (Bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Tạ Thị D về việc yêu cầu chị Lê Thị N, anh Hồ Văn T1 phải trả số tiền lãi là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng)

- Vô hiệu Hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15 tháng 11 năm 2018 và hợp đồng thế chấp số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B2 với anh Hồ Văn T4, chị Phạm Thị H1.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 về việc yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần B2 phải trả lại cho anh Hồ Văn T4, chị

Phạm Thị H1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 71.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 về việc yêu cầu anh Hồ Văn T1, chị Lê Thị N giao 03 giường ngủ loại gỗ căm xe, 01 bộ bàn salon bằng gỗ căm xe, 01 tủ ti vi gỗ căm xe, 01 Bàn ăn gỗ căm xe, 01 Tủ rượu gỗ căm xe, 01 Tủ bếp gỗ căm xe, 01 bộ li quăng gỗ căm xe, 01 bàn để phòng khách gỗ căm xe có tổng giá trị là 109.200.000đ (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 về việc yêu cầu anh Hồ Văn T1, chị Lê Thị N phải trả lại 01 Sà Lan biển số V71L 08359 và 01 Máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 về việc yêu cầu chị Lê Thị N phải trả số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) do chị Lê Thị N đã bán cần trục bánh xích Hitachi U106 AL.

- Chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản là 10.150.000đ (Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Buộc anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 phải chịu 6.150.000đ (Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), buộc chị Lê Thị N phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng), buộc anh Hồ Văn T1 phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng), buộc chị Trương Kim C1 phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 đã nộp tạm ứng số tiền 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng), anh Lê Văn H đã nộp tạm ứng số tiền 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), chị Trương Kim C1 đã nộp tạm ứng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Vì vậy, buộc chị Lê Thị N phải nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để hoàn trả cho anh Lê Văn H, buộc anh Hồ Văn T1 phải nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để hoàn trả cho anh Lê Văn H số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) và hoàn trả cho anh Hồ Văn T4, chị Phạm Thị Hằng H1 số tiền là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng). Buộc anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 phải chịu toàn bộ chi phí này. Anh Hồ Văn T4 và chị Phạm H1 đã nộp tạm ứng số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), anh Lê Văn S1 đã nộp tạm ứng số tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Vì vậy, buộc anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 phải nộp số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) để hoàn trả lại cho anh Lê Văn S1.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị N phải nộp 102.896.000đ (Một trăm lẻ hai triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007804 ngày 12/12/2019 và 30.688.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 00097114 ngày 21/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Lê Thị N phải nộp thêm số tiền 71.908.000đ (Bảy mươi một triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng)

Buộc anh Hồ Văn T1 phải nộp 95.396.000đ (Chín mươi lăm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Buộc anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 phải nộp 16.800.000đ (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.800.000đ (Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007900 ngày 03/01/2020 và 3.030.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008376 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả lại cho anh Hồ Văn T4 và chị Phạm Thị H1 33.030.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Buộc chị Tạ Thị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007858 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả lại cho chị Tạ Thị Diễm 3 (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Buộc chị Trương Kim C1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008093 ngày 04/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trương Kim C1 đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Buộc Doanh Nghiệp tư nhân T11 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.475.000đ (Ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009709 ngày 21/09/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả lại cho Doanh Nghiệp tư nhân T11 3.175.000đ (Ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Anh Lê Văn H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho anh Lê Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu số N⁰ 0007603 ngày 15/08/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Chị Phạm Ngọc Nha T6 không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho chị Phạm Ngọc Nha T6 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 837.500đ (Tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007906 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Anh Lê Văn S1 không phải chịu án phí. Hoàn trả cho anh Lê Văn S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009469 ngày 23/5/2023 và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0000200 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Công ty T12 không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty T12 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.475.500đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009710 ngày 21/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 24/4/2024, Ngân hàng thương mại cổ phần B2 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 02/5/2024, anh Hồ Văn T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh T1: Không đồng ý giao căn nhà và đất cho chị N tại thửa đất số 71 diện tích 984m², loại đất ở và trồng cây lâu năm tạo lạch tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; không đồng ý trả cho anh S1 500.000.000 đồng; không đồng ý trả cho anh H 215.000.000 đồng; không đồng ý trả cho T11 số tiền 69.500.000 đồng; không đồng ý trả cho chị C1 số tiền 9.750.000 đồng; không đồng ý vô hiệu hợp đồng mua bán xà lan ngày 21/11/2018; yêu cầu xem xét án phí và chi phí khảo sát đo đạc.

Ngày 02/5/2024, anh T4 và chị H1 cùng có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần B2 phải trả cho anh T4 và chị H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 71 diện tích 984m²; buộc anh T1, chị N trả lại toàn bộ tài sản trong nhà theo bản kê nộp tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm; yêu cầu chị N trả cho anh T4 và chị Hằng số tiền 300.000.000 đồng do chị N tự ý bán cần trục bánh xích Hitachi U 106 AL số chế tạo 112-4249; yêu cầu anh T1 và chị N trả cho anh T4 và chị H1 máy đào bánh xích Hitachi UH 07-5 số khung 16417488 số động cơ EL-100-14425; yêu cầu anh T1 và chị N trả cho anh T4 và chị H1 chiếc Xà lan biển số V71L-08359.

Ngày 26/4/2024 chị Trương Kim C1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh T1 và chị N trả lại cho chị C1 diện tích đất 53,5m². Anh T1 và chị Ngọc t tháo dỡ hàng rào, chị C1 không bồi thường chi phí tháo dỡ, di dời hàng rào.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh T1 trình bày: Đối với nhà và đất thửa số 71 là tài sản của anh T4 và chị H1, anh T1 không đồng ý tài sản này là tài sản chung vợ chồng và yêu cầu giao tài sản trên cho anh T4 và chị H1; yêu cầu Ngân hàng trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 71 cho anh T4 và chị H1. Về khoản vay Ngân hàng TMCP B2 anh T1 đồng ý cùng chị N trả 1.300.000.000 đồng, còn 400.000.000 đồng chị N nhận anh không đồng ý trả. Đối với chiếc xà lan biển số V71L-08359 là tài sản của anh T4 và chị H1, anh T1 không đồng ý vô hiệu. Anh T1 không đồng ý trả cho anh S1 500.000.000 đồng vì anh không mượn của anh S1 số tiền trên; Anh T1 không đồng ý trả cho anh H 215.000.000 đồng vì tiền mua máy cầu là của anh T4 không phải của anh H; không đồng ý trả cho T11 số tiền 69.500.000 đồng; không đồng ý trả cho chị C1 số tiền 9.750.000 đồng; yêu cầu xem xét án phí đối với tài sản anh T1 có kháng cáo thì anh T1 không phải chịu án phí.

Anh T7 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B2 trình bày: Ngày 25/3/2020, Ngân hàng có đơn tố giác tội phạm tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an V, do đó ngày 04/3/2023 Ngân hàng đã đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả xử lý tin tố giác, vì vậy Ngân hàng mới không có yêu cầu độc lập trong vụ án này và không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Trong vụ án này Ngân hàng chưa có yêu cầu độc lập đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nhà đất thuộc thửa 71, do đó Tòa án tuyên vô hiệu các hợp đồng này mà không xử lý số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng là ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của Ngân hàng, đề nghị Tòa án xem xét đối với khoản tiền vay mà các anh chị N, T1, T4 và H1 có liên quan.

Chị Trương Kim C1 trình bày: Chị C1 yêu cầu anh T1 và chị N trả lại phần đất 53,5m² theo kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn. Trên phần đất tranh chấp có 05 cây dừa của chị C1 và hàng rào của chị N, anh T1. Chị C1 yêu cầu anh T1, chị N tháo dỡ di dời, hàng rào, chị C1 không hỗ trợ chi phí di dời.

Chị N trình bày: Chị N không đồng ý kháng cáo của anh T1, anh T4, chị H1, chị C1 và Ngân hàng B2.

Anh T5 là người đại diện hợp pháp của anh T4 và chị H1 trình bày: Vụ án có nhiều quan hệ pháp luật, nguyên đơn cho rằng nhà đất thuộc thửa 71 là của nguyên

đơn và anh T1 nhưng bản án sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh S1 và anh T4, chị H1; vô hiệu hợp đồng mua bán xà lan giữa anh T4, chị H1 và anh M, buộc anh T1, anh T4, chị H1 phải trả tài sản này lại cho nguyên đơn nhưng đồng thời buộc anh S1 phải thực hiện các thủ tục để sang tên các thửa đất lại cho chị N, tức đã xác định tài sản của anh T1, chị N và tuyên hủy hợp đồng nhưng lại yêu cầu anh S1 làm thủ tục chuyển nhượng cho chị N. Điều này cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, bởi lẽ xác định quan hệ pháp luật là đòi tài sản thì phải xem xét có hay không việc nhờ đứng tên quyền sử dụng đất giùm, nếu có thì tuyên trả tài sản; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu các hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tín dụng, việc này phát sinh phải giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu khi hủy hợp đồng; về nguyên tắc khi hủy hợp đồng thì các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận như vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên anh T1, anh T4 chị H1 giao lại nhà đất, tài sản trong nhà lại cho chị N, trong khi nếu hủy hợp đồng thì tài sản này phải trở về cho anh S1 mới đúng. Bên cạnh đó Tòa tuyên buộc anh S1 phải thực hiện các thủ tục sang nhượng lại nhà đất cho chị N, song song đó buộc anh T1, chị N trả cho anh S1 1.000.000.000 đồng, nội dung tuyên án này không thể thi hành án được bởi vì đây là quan hệ đôi quyền, anh S1 yêu cầu trả cho anh S1 1.000.000.000 đồng thì anh S1 mới chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho chị N nếu như anh T1, chị N có khả năng trả thì việc chuyển nhượng lại cho phía chị N thuộc về ý chí chủ quan của anh S1. Ngoài ra, cùng tuyên vô hiệu nhưng đối với hợp đồng mua bán xà lan tự hành thì không giải quyết hậu quả hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ra quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng để xem xét nhưng lại vô hiệu hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và anh T4, không giải quyết hậu quả của hợp đồng, xác định ai có trách nhiệm trả nợ ngân hàng tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do Ngân hàng không yêu cầu và Tòa án có văn bản giải thích hậu quả cho Ngân hàng, tuy nhiên trước đó Ngân hàng đã có đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Ngân hàng có văn bản đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án để cho kết quả giải quyết đơn tố cáo. Điều này không chính xác vì nếu sau khi bản án có hiệu lực nếu cơ quan điều tra xác định không có dấu hiệu tội phạm thì quyền lợi của Ngân hàng bị ảnh hưởng và Ngân hàng khởi kiện vụ kiện khác và khả năng thu hồi nợ của Ngân hàng rất thấp. Do đó Ngân hàng yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ giải quyết tin báo tội phạm là có căn cứ. Sau khi giải quyết tin báo thì Tòa án mới giải quyết vụ án đầy đủ, khách quan và toàn diện đúng quy định pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét được

cho nên đề nghị xem xét áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm và hủy án giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Luật sư Trương Ngọc S2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị C1 trình bày: Chị C1 có thửa đất số 825 được cấp giấy chứng nhận năm 2011, sau đó chị C1 có đơn đề nghị tách 02 thửa mới là thửa 72 và 73. Thửa 72 chị C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thửa 73 thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị C1 chưa biết đất mình thiếu bao nhiêu nên không khiếu nại, không tranh chấp. Năm 2014 chị N xây hàng rào chị C1 có phản ứng, anh T1, chị N cũng thừa nhận. Chị C1 cho rằng không có tranh chấp lớn nên mới không khiếu nại đến chính quyền địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyền sử dụng đất của chị C1 trên cơ sở căn cứ vào giấy tờ nguồn gốc đất. Ranh đất của chị C1 phần giáp cạnh thửa đất chị N trong giấy mới so với giấy cũ thiếu chiều dài 3,3m tại vị trí số 2 và 3 trong trích đo của cơ quan chuyên môn, như vậy chị C1 chỉ ranh là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chị C1 được 11,6m² còn văn bản Tòa án cấp phúc thẩm thu thập chỉ có 7,9m², vì vậy số liệu của cơ quan chuyên môn là không phù hợp. Đề nghị căn cứ nguồn gốc thửa đất 825 làm căn cứ xem xét giải quyết và yêu cầu cơ quan chuyên môn đo đạc lại vì chị C1 không đồng ý số liệu cơ quan chuyên môn cung cấp.

Luật sư Lê Thị Ngọc T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N trình bày quan điểm: Đối với phát biểu của Luật sư S2 bảo vệ quyền lợi cho chị C1 cho rằng cơ quan chuyên môn xác định số liệu diện tích đất tranh chấp khác nhau nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án đã thu thập tư liệu địa chính thì diện tích thửa đất 825 nay có số thửa mới là thửa 72, 73 của chị C1, còn thửa 71 của chị N và anh T1, diện tích thửa 71 và 72 đều thiếu. Do cả hai bên đều thiếu đất nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hình thể vị trí đất ban đầu và đối chiếu lại sơ đồ vị trí theo bản đồ Vlap được cấp để xác định diện tích đất tranh chấp. Căn cứ vào sơ đồ đất, diễn biến quá trình sử dụng đất, kết quả đo đạc hiện trạng đất đủ xác định thửa đất 71 của anh T1, chị N chỉ lấn qua thửa đất 72 của chị C1 7,9m², do đó đề nghị chấp nhận cho chị N, anh T1 được trả giá trị đất $1.650.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 7.9\text{m}^2 = 13.035.000$ đồng.

Đối với quan điểm của người đại diện của anh T4 và chị H1: Khi kháng cáo thì anh T4 và chị H1 nêu năm vấn đề kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nhưng khi người đại diện của anh T4, chị H1 trình bày quan điểm bảo vệ thì trình bày yêu cầu hủy án sơ thẩm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp không ảnh hưởng quyền lợi Ngân hàng, vì khi giải quyết Ngân hàng không yêu cầu giải quyết hậu quả đây là quyền của Ngân hàng. Nếu bản án tuyên công nhận nhà đất cho chị N và anh T1 thì cũng không

ảnh hưởng quyền lợi của Ngân hàng, vì đây là tài sản đảm bảo giao dịch hiện nay thừa đất 71 nếu công nhận cho chị N và anh T1 thì đây là tài sản bảo đảm thi hành án. Chị N cũng đồng ý giao tài sản thi hành án cho Ngân hàng. Còn việc buộc anh S2 lập thủ tục chuyển cho chị N vì tài sản này chị N và anh T1 xác định ban đầu là tài sản của anh S2, khi hợp đồng vô hiệu trả về anh S2 là đúng, còn hợp đồng mua bán xà lan thì tại phiên tòa sơ thẩm các bên không tranh chấp hợp đồng này. Anh M cũng có lời khai đồng ý tiếp tục mua bán với chị N và anh T1. Tại phiên tòa chị N cũng trình bày do anh M không thực hiện đúng quy trình nên không đăng kiểm được vì vậy không sang tên chủ sở hữu được, cho nên nếu giải quyết buộc anh M ký hợp đồng sang tên thì cũng không thể thực hiện vì về mặt kỹ thuật chưa đăng ký được.

Đối với căn nhà đất thuộc thửa 71 và chiếc xà lan tự hành có nguồn gốc của anh T1, chị N không phải của anh T4, chị H1. Căn cứ vào kết luận giám định đoạn ghi âm cũng thể hiện anh T4 thừa nhận đứng tên giùm nhà đất và anh T4 không phải là người mua xà lan. Từ các căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, do bản án sơ thẩm có sai sót số liệu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại, tổng tài sản của anh T1 và chị N là 3.053.433.000 đồng : 2 = 1.526.716.500 đồng chênh lệch 12.837.500 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Hủy một phần bản án sơ thẩm số: 26/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long về tài sản chung và nợ chung giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/10/2008, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn, anh T1 đồng ý. Bản án sơ thẩm công

nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T1. Về con chung giao con chung tên Hồ Lê Bảo A, sinh ngày 20/02/2007 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị về quan hệ hôn nhân, nuôi con và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh T1 yêu cầu giao nhà đất, xà lan cho anh T4 và chị H1; kháng cáo của anh T4 và chị H1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Nguồn gốc thửa đất số 71, tờ bản đồ 20, diện tích 984m² loại đất ở và trồng cây lâu năm của anh T1 và chị N. Do trước đây anh T1, chị N có vay tiền của Ngân hàng B3 - Chi nhánh V3 số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và thế chấp tài sản trên nhưng không có khả năng trả nợ nên anh chị ủy quyền cho Ngân hàng B3 ký tên hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 71 là tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay cho anh S2 để Ngân hàng thu hồi khoản vay trên (BL 1023-1027), anh S2 đã nhờ bà K chuyển vào tài khoản Ngân hàng B3 02 lần với tổng số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) để thanh toán tiền chuyển nhượng đất và anh S2 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/8/2018.

Ngày 28/8/2018, anh S2 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên cho anh Hồ Văn T4 (BL 607), hợp đồng ghi giá chuyển nhượng 200.000.000 đồng. Anh T4, chị H1 cho rằng giá chuyển nhượng thực tế là 1.000.000.000đ, anh T4 và chị H1 trực tiếp giao tiền mặt cho anh S2 nhận tại căn nhà trên thửa đất 71, khi giao tiền có mặt anh T4, chị H1, anh S2, chị N và anh T1 nhưng không làm biên nhận giao nhận tiền. Chị N và anh S2 không thừa nhận có việc giao nhận tiền này.

Tại kết luận giám định số 395/KLGD-PC09 ngày 26/10/2020 của Phòng K2 Công an tỉnh V xác định chữ viết tên Hồ Văn T4 trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2018 do chị N ký và viết ra. Tại kết luận giám định số 7356/KL-KTHS ngày 19/01/2024 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C2 xác định chữ ký “Tình” trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2018 không phải do anh T4 ký. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2020 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V lập (BL 590-591) anh T4 trình bày do anh T4 không biết chữ nên nhờ chị N làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất 71 giữa anh S2 và anh T4. Theo bản dịch nội dung từ đoạn ghi âm mà phía chị N cung cấp cho cơ quan điều tra Công an tỉnh V (bút lục 568) trong đó anh T4 có tham gia hội thoại với nội dung là anh T4 chỉ đứng tên đất giùm anh T1, chị N.

Từ những căn cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh S2 và anh T4 là giả tạo và việc chuyển nhượng không có thật nên tuyên hợp đồng vô hiệu là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh S2 và anh T4, chị H1 vô hiệu và buộc anh T1, anh T4, chị H1 trả tài sản này lại cho chị N, buộc anh S2 thực hiện các thủ tục để sang tên thửa đất 71 lại cho chị N là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, bởi lẽ Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi tài sản thì phải xem xét, đánh giá có hay không việc chị N, anh T1 nhờ anh S2 đứng tên quyền sử dụng đất giùm, nếu có căn cứ thì buộc anh S2 trả lại tài sản cho anh T1, chị N. Do đó, kháng cáo của anh T1 không có căn cứ chấp nhận, kháng cáo của anh T4 và chị H1 có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP B2 về yêu cầu hủy án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngân hàng TMCP B2 ký kết hợp đồng tín dụng với bên khách hàng có tên Hồ Văn T4 và Phạm Thị H1 và giải ngân số tiền 1.700.000.000 đồng, mục đích mua bán sà lan. Tài sản thế chấp nhà đất thửa 71, tờ bản đồ 20 do anh T4 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, anh T4 và chị H1 không thừa nhận có thực hiện giao dịch trên với Ngân hàng.

Căn cứ lời khai của chị N thừa nhận, chị N là người ký tên ghi họ tên của chị Phạm Thị H1 và anh T1 ký tên ghi họ tên của anh Hồ Văn T4 (BL 600-601). Lời khai của anh T4 không ký tên hợp đồng vay và thế chấp (BL 590-591). Lời khai của anh T1 thừa nhận ký tên anh T4 hồ sơ vay của cán bộ Ngân hàng giao (BL 582-583).

Theo kết luận giám định số 395/KLGD-PC-09 ngày 26/10/2020 kết luận chữ viết họ tên Phạm Thị H1 là do chị Ngọc v, chữ viết họ tên Hồ Văn T4 do anh T1 viết, không xác định chữ ký tên của chị H1 và anh T4 tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Tại Công văn số 10/UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã T (BL 678) xác định việc ký Hợp đồng thế chấp nêu trên thì anh T4, chị H1 không có trực tiếp đến Ủy ban xã T để ký mà do cán bộ Ngân hàng mang hợp đồng đến Ủy ban chứng nhận. Do đó hồ sơ vay vốn của anh T4 và chị H1 được cán bộ Ủy ban xã T thực hiện không đúng quy trình, việc chứng thực chữ ký không có người cần chứng thực trực tiếp là không đúng quy định.

Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và khách hàng tên Hồ Văn T4 và Phạm Thị H1 không đúng chủ thể ghi trong hợp đồng, chị N và anh

T1 thừa nhận giả chữ ký anh T4 và chị H1 ký tên bên khách hàng vay của hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng cho rằng có dấu hiệu của tội phạm về lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên có đơn tố giác tội phạm, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiếp nhận tin tố giác. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả giải quyết tin tố giác. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cần thiết có văn bản kiến nghị cơ quan điều tra xem xét điều tra đối với nội dung này và cần đợi kết quả xử lý của cơ quan điều tra theo quy định tại Điều 15 của Thông tư 01/2017/TTLT ngày 29/12/2017. Trường hợp Cơ quan điều tra trả lời không có dấu hiệu tội phạm mới tiếp tục giải quyết vụ án. Ngoài ra, việc Ngân hàng không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong vụ án này là do chờ kết quả xử lý tin tố giác tội phạm đã được cơ quan điều tra thụ lý tin tố giác, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tuyên vô hiệu hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, chia tài sản nhà đất của anh T1 chị N khi chưa giải quyết nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vay và tài sản thế chấp tại Ngân hàng là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, kháng cáo của Ngân hàng TMCP B2 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét hợp đồng mua bán xà lan biển số V71L 08359: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N cho rằng khoản tiền vay từ hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018 và hợp đồng thế chấp số 031/2018/HĐTC/PGDVungLiem ngày 15/11/2018 là để mua xà lan, việc thanh toán tiền do Ngân hàng chuyển vào tài khoản của M là người bán xà lan. Còn anh T1 và anh T5 khai tiền mua xà lan là của anh T4 và giao bằng tiền mặt nhưng không lập giấy tờ giao nhận tiền. Về phía anh M có lời khai tại hồ sơ thể hiện, anh hoàn toàn không có giao dịch với anh T4, chị H1 mà giao dịch trực tiếp với chị N, anh T1. Tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/11/2018 (Bút lục 415) thì số tiền vay là 1.700.000.000đ được yêu cầu chuyển vào tài khoản Ngân hàng của anh M. Như vậy, lời khai của chị N, anh T1, anh M thể hiện số tiền mua bán có xà lan liên quan đến khoản vay tín dụng tại hợp đồng tín dụng số HĐTD85220180287 ngày 15/11/2018. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng mua bán xà lan ngày 21/11/2018 nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là thiếu sót.

[5] Xét kháng cáo của chị C1 về tranh chấp ranh đất: Như nhận định tại phần [2],[3] cần thiết phải xem xét giải quyết lại tài sản chung, nợ chung của chị N và anh T1 trong vụ án nhưng phần ranh đất chị C1 tranh chấp liên quan đến tài sản chung anh T1, chị N, anh T4 và chị H1 đang yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy yêu cầu độc lập của chị C1 cũng được xem xét giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại tài sản chung nhà đất của anh T1 và chị N.

[6] Từ những nhận định, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để làm cơ sở đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện các vấn đề cần giải quyết liên quan nội dung vụ án, dẫn đến phân chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Những sai sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung và nợ chung, tranh chấp ranh đất, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm được xem xét khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Phát biểu của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có phần căn cứ chưa phù hợp với nhận định nên không được chấp nhận.

[10] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên nên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long về tài sản chung, nợ chung, tranh chấp ranh đất và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T1, anh T4, chị H1, chị C1, Ngân hàng TMCP B2 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0009027 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; Hoàn trả cho anh T4 và chị Hằng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0009022 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; Hoàn trả cho chị C1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0009017 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B2 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0009026 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Chánh án TAND TVL;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL;
- TAND huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Dung

